

## **ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG** **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY RẠNG ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Chúng tôi, gồm những cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 09 tháng 07 năm 2016, cùng chấp thuận và cam kết thực hiện theo bản điều lệ công ty sửa đổi gồm các điều khoản như sau :

### **CHƯƠNG I** **ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

#### **Điều 1. Giải thích một số từ ngữ trong Điều lệ.**

**1.1.** Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a. “Công ty”** : Công ty cổ phần Giấy Rạng Đông.
- b. “Vốn điều lệ”** : là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào điều lệ Công ty.
- c. “Cổ đông”** : Là cá nhân , tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty
- d. “Cổ đông sáng lập”** : Là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Công ty.
- e. “Cổ phần”** : Là các phần hùn vốn có giá trị ngang nhau tạo thành vốn Điều lệ của Công ty.
- f. “Cổ phiếu”** : Là chứng chỉ góp vốn do Công ty phát hành hay bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- g. “Cổ tức”** : Là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- h. “Nhóm cổ đông”** : Cổ đông của Công ty có thể tự thỏa thuận với nhau để hợp nhóm nhằm mục đích thực hiện các quyền của cổ đông.
- i. “Đại hội đồng cổ đông”** : Đại hội đồng cổ đông thường niên hay bất thường.
- j. “Hội đồng”** : Hội đồng quản trị của Công ty.
- k. “Những người có liên quan”** : Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với công ty trong các trường hợp sau :
  - k.1.** Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
  - k.2.** Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty ;



k.3. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty thông qua các cơ quan quản lý công ty.

k.4. Người quản lý công ty.

k.5. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

k.6. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm k.1, k.2, k.3, k.4, k.5.

k.7. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

k.8. Những người quy định tại các điểm k.1, k.2, k.3, k.4, k.5, k.6, k.7 có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý của công ty.

**l. “Luật doanh nghiệp”** : Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2014.

**m. “Pháp luật”** : Tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của Công ty.

**1.2.** Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản, quy định hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

**1.3.** Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **Điều 2. Hình thức và tư cách pháp lý.**

### **2.1. Hình thức pháp lý**

Công ty cổ phần Giấy Rạng Đông (gọi tắt là Công ty) là Công ty được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **2.2. Tư cách pháp lý**

Công ty cổ phần Giấy Rạng Đông là Công ty:

- Thuộc sở hữu của các cổ đông. Tại thời điểm sửa đổi, thống nhất điều lệ này công ty **có 235 cổ đông**; Có danh sách cổ đông kèm theo.
- Có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, độc lập về tài chính, có tài khoản riêng được mở tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.
- Có điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.
- Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.
- Hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của mình.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, có tài sản riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, có quyền tự quyết định một cách độc lập trong quá trình hoạt động của Công ty.



- Là công ty liên kết với Tổng công ty Khánh Việt.

### **Điều 3 . Tên Công ty**

- Tên đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY RẠNG ĐÔNG**
- Tên giao dịch : RANG ĐÔNG PAPER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : RAPACO

### **Điều 4 . Trụ sở chính, địa chỉ chi nhánh và văn phòng đại diện :**

- Trụ sở chính : Thôn Phước Tuy, xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà.
- Điện thoại : 058.3780914 – 3780121 – 3780129
- Fax : 058.3780121 058.3780123
- Email :
- Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, giải thể chi nhánh hoặc thành lập thêm chi nhánh mới sẽ do Hội đồng quản trị (HĐQT) quyết định, đảm bảo thủ tục theo Luật định, thông báo cho Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) vào kỳ họp gần nhất.

### **Điều 5 . Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh.**

#### **5.1. Mục tiêu:**

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; Tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong Công ty; Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

#### **5.2. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất bột giấy , giấy và bìa
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa .
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Sản xuất vở học sinh và các sản phẩm khác từ giấy .
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : Mua bán văn phòng phẩm , giấy.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu . Chi tiết : Mua bán bột giấy và nguyên liệu giấy .
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ .

### **Điều 6 . Phạm vi kinh doanh và thời hạn hoạt động.**

#### **6.1. Phạm vi kinh doanh**

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

#### **6.2. Thời hạn hoạt động**



- Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều lệ này, Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm và tuân thủ theo đúng tinh thần của Luật Doanh nghiệp.
- Công ty có thể chấm dứt hoạt động khi bị giải thể, phá sản hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc giải thể, phá sản Công ty được quy định tại Chương VIII của Điều lệ này và các quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.
- Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Người đại diện theo pháp luật.**

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ này.

**Điều 8. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị – xã hội khác.**

8.1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản HCM và các tổ chức chính trị – xã hội trong Công ty hoạt động theo khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

8.2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

## **CHƯƠNG II**

### **QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

**Điều 9. Quyền hạn của Công ty**

- Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm
- Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
- Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
- Tuyển dụng, thuê, đào tạo, sử dụng lao động hoặc cho thuê việc theo yêu cầu kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh..
- Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của công ty.
- Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
- Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo
- Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- Khởi kiện các hành vi xâm phạm tới quyền và lợi ích của công ty.
- Các quyền khác do Pháp luật quy định.



## **Điều 10 . Nghĩa vụ của Công ty**

- Kinh doanh đúng các ngành, nghề đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.
- Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.
- Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
- Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
- Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
- Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin và công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
- Tuân thủ quy định của Pháp luật về quốc phòng, an ninh , trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện các nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền , lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng .
- Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

## **CHƯƠNG III**

### **VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU**

#### **Điều 11 . Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.**

- Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ , bí quyết kỹ thuật , các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.
- Vốn điều lệ của Công ty do cổ đông của Công ty tự nguyện đóng góp dưới hình thức mua cổ phiếu. Vốn điều lệ được góp đủ một lần ngay khi phát hành cổ phiếu.

##### **11.1. Vốn điều lệ :**

- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 29/10/2012 được xác định là: 20.246.400.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: Hai mươi tỉ, hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng)
- Số vốn này được chia thành: 2.024.640 cổ phần (Bằng chữ: Hai triệu, không trăm hai mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi cổ phần)
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng (Mười ngàn đồng)

##### **11.2. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động :**



- Vốn điều lệ được dùng để mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị, mở rộng qui mô hoạt động của Công ty.
- Phát triển kỹ thuật, công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Cung cấp vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh.
- Đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh, ... khi xét thấy cần phải đầu tư vì lợi ích của Công ty.
- Các dự trữ cần thiết về bất động sản.

## **Điều 12 . Tăng giảm vốn điều lệ**

### **12.1. Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:**

- Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của Pháp luật. Trong trường hợp này giá cổ phiếu phát hành mới có thể cao hoặc thấp hơn mệnh giá cổ phần ghi trong Điều lệ, do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán cổ phiếu đó, ngoại trừ những cổ phiếu được ưu tiên bán cho các cổ đông cũ. Phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá sẽ được hạch toán theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu.
- Chuyển từ các quỹ hoặc lợi nhuận giữ lại thành cổ phần cho các cổ đông.
- Phát hành cổ phiếu mới để thực hiện sáp nhập một bộ phận hoặc toàn bộ doanh nghiệp khác vào Công ty.

### **12.2. Vốn điều lệ của công ty được điều chỉnh giảm trong các trường hợp sau:**

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông ;
- Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của luật Doanh nghiệp ;
- Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật doanh nghiệp;

## **Điều 13 . Cổ phần**

**13.1.** Vốn điều lệ Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là "cổ phần". Cổ phần là đơn vị sở hữu nhỏ nhất của Công ty.

**13.2.** Tại thời điểm thành lập, Công ty chỉ có một loại cổ phần duy nhất là cổ phần phổ thông ("cổ phần"), và người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông ("cổ đông"). Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

**13.3.** Trong quá trình hoạt động kinh doanh, khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định có thêm loại cổ phần khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ



phần ưu đãi. Ngược lại cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**13.4.** Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

#### **Điều 14. Cổ phiếu**

**14.1.** Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu được Công ty phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính. Mỗi cổ phiếu của Công ty được coi là hợp lệ khi cổ phiếu do chính Công ty phát hành, có ghi rõ đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định ở khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

**14.2.** Cổ phiếu hợp lệ phải có chữ ký của Giám đốc và phải đóng dấu của Công ty.

**14.3.** Nếu cổ phiếu bị rách, mờ, hoặc bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông**

**15.1.** Các cổ đông sau khi nộp tiền mua cổ phiếu của Công ty được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, được nhận sổ cổ phiếu đã mua.

**15.2.** Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

**15.3.** Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau :

- Tên Công ty, địa chỉ văn phòng Công ty.
- Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức ;
- Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

**15.4.** Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

#### **Điều 16 . Bán cổ phần**

**16.1.** Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường của cổ phần tại



thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp:

- Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
- Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty.
- Cổ phần chào bán cho người làm môi giới hoặc người làm bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông quy định.

**16.2.** Cổ phần đã được bán hoặc đã được chuyển nhượng khi đã ghi đúng và đủ những thông tin theo quy định của pháp luật vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó người mua cổ phần hoặc người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

**16.3.** Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần phải tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.

### **Điều 17 . Chuyển nhượng cổ phần**

**17.1.** Tất cả cổ phần của công ty đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có quy định khác. Cổ đông khi chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của công ty.

**17.2.** Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó .

**17.3.** Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.

**17.4.** Việc chuyển nhượng cổ phần tạm ngưng trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 18 . Thừa kế cổ phần**

**18.1.** Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phiếu hợp pháp theo quy định của Pháp luật. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp, thì họ phải cử 01 (một) đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền có công chứng. Trường hợp có di chúc hợp pháp đã có phân chia cụ thể cho những người được thừa kế hoặc có sự thỏa thuận hợp pháp giữa những người được thừa kế thì sẽ được phân chia sở hữu tương ứng với số cổ phần được thừa kế. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế hợp pháp.

**18.2.** Người có quyền thừa kế hợp pháp được đăng ký làm sở hữu chủ cho các cổ phiếu được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.



**18.3.** Việc thừa kế quyền sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác trong Công ty không kèm việc thừa kế tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác trong Công ty.

**Điều 19 . Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.**

**19.1.** Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông qui định trong điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.

Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó, nêu rõ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về vấn đề nói tại khoản này.

**19.2.** Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông qui định tại khoản 1 điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

**Điều 20 . Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.**

**20.1.** Việc mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty được thực hiện theo Điều 130 Luật doanh nghiệp trừ trường hợp có nghị quyết khác đi của Đại hội đồng cổ đông không trái với pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

**20.2.** Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo qui định sau đây:

- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua.
- Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua . Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán , thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty . *Chào bán cổ phần phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 điều 130 Luật doanh nghiệp.*

**Điều 21 . Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại.**

**21.1.** Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 19, 20 của Bản điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.



**21.2.** Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 điều 111 của Luật này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

**21.3.** Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy số cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

**21.4.** Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

## **Điều 22. Cổ tức.**

**22.1.** Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

**22.2.** Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được chi trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có các điều kiện sau đây:

- a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- b) Đã trích lập các quỹ của công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

**22.3.** Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền hoặc bằng cổ phần của công ty. Trong trường hợp Công ty trả cổ tức bằng tiền, cổ đông có thể đến nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc có thể yêu cầu Công ty thanh toán cổ tức bằng chuyển khoản.

**22.4.** Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về chi trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 132 Luật DN.

**22.5.** Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

**22.6.** Tùy theo tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng quý hoặc 06 tháng, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng mức cổ tức tỷ lệ phần trăm thích hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

**22.7.** Cổ đông đến nhận cổ tức sau thời hạn thông báo sẽ không được tính lãi.



### **Điều 23 . Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với qui định tại Điều 131 của Luật doanh nghiệp hoặc trái với qui định tại Điều 22 của Điều lệ Công ty thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### **Điều 24 . Cổ đông.**

**24.1.** Cổ đông của công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Cá nhân phải đủ 18 tuổi và có đủ năng lực hành vi dân sự. Trường hợp chưa đủ tuổi hoặc không đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người giám hộ theo luật định.

**24.2.** Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.

**24.3.** Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông

### **Điều 25 . Quyền của Cổ đông Công ty.**

**25.1.** Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

**25.2.** Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau :

- a. Tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền trong các Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết ;
- b. Nhận cổ tức với mức quy định theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp;
- d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến mình trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ; các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
- i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

**25.3.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ 06 ( sáu ) tháng trở lên có các quyền sau :

- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ;



- b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp :
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao
  - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

**Điều 26. Nghĩa vụ của các cổ đông.**

**26.1.** Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát;

**26.2.** Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày theo đúng thủ tục quy định kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với tỷ lệ số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình;

**26.3.** Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;

**26.4.** Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động kinh doanh của Công ty;

**26.5.** Tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức đã được quy định tại bản điều lệ này. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này, cổ đông được xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình và mọi sự khiếu nại sẽ không được chấp nhận.

**26.6.** Hoàn thành các nghĩa vụ khác do luật pháp quy định.

## **CHƯƠNG IV**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT**

**Điều 27 .Cơ cấu tổ chức quản lý.**

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc.

### **MỤC I : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



## **Điều 28 .Đại hội đồng cổ đông.**

### **28.1. Đại hội đồng cổ đông.**

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự Đại hội đồng cổ đông thành lập, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

### **28.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên.**

Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập hàng năm và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính hàng năm;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền;

### **28.3. Đại hội đồng cổ đông bất thường.**

Trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Người quản lý quy định tại khoản 41.4 Điều 41 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Số thành viên của Hội đồng quản trị, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật ;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được các yêu cầu nêu trên. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập cuộc họp cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu trên có thể triệu tập cuộc họp này.

Tất cả chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.



**Điều 29. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.**

- 29.1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- 29.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- 29.3. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- 29.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- 29.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất;
- 29.6. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- 29.7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 29.8. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- 29.9. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty;
- 29.10. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị;
- 29.11. Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty ;
- 29.12. Thông qua thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 29.13. Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- 29.14. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- 29.15. Thông qua các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 30 .Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.**

- 30.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 30.2. Danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân; Tên, trụ sở, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức; Số lượng cổ phần mỗi loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 30.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông ; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 31. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.**

- 31.1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết ; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp ; xác định thời gian, địa điểm họp và gửi thông báo mời họp đến các cổ đông có quyền dự họp.
- 31.2. Cổ đông và nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 25.3 Điều 25 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.



Kiến nghị bằng văn bản và phải được gửi đến công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ, tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

**31.3.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 31.2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau :

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung ;
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông ;

**31.4.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa ý kiến quy định tại khoản 31.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 31.3 Điều này ; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### **Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.**

**32.1.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**32.2.** Kèm theo thông báo phải có mẫu chỉ định đại diện ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

### **Điều 33. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.**

**33.1.** Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Điều 15 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

**33.2.** Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây :

- a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người được ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được quyền dự họp ;
- b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp ;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

**33.3.** Việc ủy quyền được thực hiện cho từng vụ, việc. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

**33.4.** Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận



chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

**Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.**

**34.1.** Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**34.2.** Nếu triệu tập lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 điều này thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

**34.3.** Nếu triệu tập lần thứ hai vẫn không đạt được tỷ lệ quy định thì triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc và lần này không phụ thuộc vào số lượng cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**34.4.** Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.

**Điều 35. Thể thức triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.**

**35.1.** Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.

**35.2.** Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau :

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập ; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp ; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại cử ra một thành viên trong Hội đồng điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.

- Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

- Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

**35.3.** Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.

**35.4.** Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

**35.5.** Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng



kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

**35.6.** Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

**35.7.** Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền :

- Yêu cầu tất cả các người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**35.8.** Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau :

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các người dự họp.
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

**35.9.** Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 35.8 điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

### **Điều 36. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

**36.1.** Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

**36.2.** Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông :

- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua định hướng phát triển công ty ;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm , bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

**36.3.** Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây :



a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành đối với :

- Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại;
- Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

b. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

**36.4.** Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

**36.5.** Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

**36.6.** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

### **Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.**

**37.1.** Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

**37.2.** Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

**37.3.** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

**37.4.** Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.



Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu ; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

**37.5.** Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

**37.6.** Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**37.7.** Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.**

**38.1.** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản , có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác nhau. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau :

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp ;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chương trình và nội dung cuộc họp .
- Họ tên chủ tọa và thư ký.
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng ;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, ghi rõ phương thức biểu quyết , tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến ; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Chữ ký của chủ tọa và thư ký .

**38.2.** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp; Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực chính xác của nội dung biên bản .

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty ( nếu có)

**38.3.** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### **Điều 39 .Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám



đồng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm qui định pháp luật hoặc điều lệ Công ty.

## **MỤC II : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 40. Thành phần và nhiệm kỳ.**

**40.1.** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**40.2.** Thành viên của Hội đồng quản trị có ít nhất **03 (ba) người** do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi miễn. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ tối đa là 05 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

**40.3.** Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

**40.4.** Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

**40.5.** Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thể thức đa số phiếu (mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu bầu). Việc bầu có thể tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu hoặc biểu quyết.

**40.6.** Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty.

### **Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.**

**41.1.** Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị.

**41.2.** Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong quá trình họ thực thi nhiệm vụ và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

**41.3.** Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy chế nội bộ của Công ty quy định. Trong đó, có những quyền hạn và nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ;
- c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại ; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- e. Quyết định mua lại không quá 10% cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng .



- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 29.5 Điều 29 và Điều 47 của Điều lệ này;
- i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác của Công ty theo đề nghị của Giám đốc;
- j. Quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác cho Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác của công ty;
- k. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- l. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và những người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- o. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- p. Đề xuất mức phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm để Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q. Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phần của các cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc;
- r. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;
- s. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- t. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, những sai phạm trong quản lý gây ra thiệt hại cho Công ty.

#### **41.4. Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:**

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, thận trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;
- Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;



- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

**41.5.** Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

**41.6.** Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

**41.7.** Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty.

**41.8.** Quyền lợi của Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Các chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý Công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào của Công ty sẽ được trả lương và phụ cấp tương ứng với chức vụ đó.

#### **Điều 42. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.**

**42.1.** Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng quản trị của đối thủ cạnh tranh.

**42.2.** Có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và kinh doanh phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty.

**42.3.** Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.**

**43.1.** Một thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị nữa theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này hoặc bị Luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên có gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

d. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



**43.2.** Nếu Hội đồng quản trị không còn đủ 2/3 số thành viên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 60 ngày. Trong các trường hợp bị khuyết khác sẽ do cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới.

#### **Điều 44. Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

**44.1.** Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch (nếu cần). Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

**44.2.** Chủ tịch Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu theo thể thức trực tiếp bỏ phiếu hoặc biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một lá phiếu bầu.

**44.3.** Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức khác;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

**44.4.** Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được Hội đồng quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

#### **Điều 45. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.**

**45.1.** Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và ra quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

**45.2.** Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

**45.3. Các cuộc họp định kỳ:** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

**45.4. Các cuộc họp bất thường:** Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị trở lên;



c. Đa số thành viên trong Ban kiểm soát.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty, người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

**45.5.** Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị 05 (năm) ngày làm việc trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt bao gồm nội dung chương trình họp, thời gian, địa điểm và kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

**45.6.** Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc có quyền dự họp, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**45.7.** Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất  $\frac{3}{4}$  (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn nửa số thành viên HĐQT dự họp.

**45.8.** Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%) chấp thuận. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**45.9. Biên bản cuộc họp :** Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ Biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của công ty. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 154 LDN

#### **Điều 46. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.**

**46.1.** Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

**46.2.** Giám đốc, Phó Giám đốc công ty phải có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

**46.3.** Mọi yêu cầu cung cấp thông tin và cung cấp thông tin phải thể hiện bằng văn bản.

#### **Điều 47. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.**

**47.1.** Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng:



- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ ;
- Các doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp

Thực hiện theo phương pháp phân cấp như sau:

- a) Hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất do Đại hội Cổ đông quyết định;
- b) Hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất do Hội đồng Quản trị quyết định.

**47.2.** Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 47.1 Điều 47 Điều lệ này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

### **MỤC III : BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 48 . Ban kiểm soát.**

**48.1.** Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm . Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**48.2.** Ban kiểm soát bầu một thành viên làm trưởng ban.

**48.3.** Trong nhiệm kỳ nếu khuyết kiểm soát viên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu Kiểm soát viên thay thế theo quy định tại Khoản 28.3 Điều 28 của Điều lệ này.

**48.4.** Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**48.5.** Thù lao và các chi phí công tác phát sinh hợp lý của thành viên Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của công ty.

#### **Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.**

**49.1.** Có kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

**49.2.** Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty

**49.3.** Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

**49.4.** Có phẩm chất đạo đức, năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp.



49.5. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty.

**Điều 50 . Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.**

50.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây :

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này .
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
- Có đơn từ chức và được chấp thuận

50.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây :

- Không hoàn thiện nhiệm vụ, công việc được phân công
- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật DN và Điều lệ này
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

50.3. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng và không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

50.4. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

**Điều 51 . Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.**

51.1. Ban kiểm soát và thành viên của Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a. Giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- b. Kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính; việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị và các quy định trong Điều lệ Công ty;
- c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị ; Trình báo cáo thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của nhóm cổ đông quy định tại khoản 25.3 Điều 25 Điều lệ này;
- e. Khi có yêu cầu của nhóm cổ đông quy định tại khoản 25.3 Điều 25 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày



kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

g. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

h. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

i. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên muốn bàn bạc;

j. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý.

**51.2. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:**

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 52. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.**

**52.1.** Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

**52.2.** Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, thận trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;

**52.3.** Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

**Điều 53. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.**

**53.1.** Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

**53.2.** Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác do công ty phát hành cũng được gửi đến Ban kiểm soát theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

**53.3.** Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc;



**53.4.** Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

## **MỤC IV : BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC**

### **Điều 54 . Bộ máy điều hành Công ty**

Bộ máy điều hành Công ty gồm có :

**54.1.** Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc để điều hành công ty, Giám đốc giới thiệu các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Thành viên Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm các chức danh quản lý công ty.

**54.2.** Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được giao.

**54.3.** Giúp cho Giám đốc có các Phó Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và trước pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.

**54.4.** Các Giám đốc, Phó Giám đốc chuyên môn hoặc trưởng, phó phòng ban nghiệp vụ; Giám đốc, Phó Giám đốc bộ phận hoặc các đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty.

**54.5.** Lương, phụ cấp lương của Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định theo quy chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong công ty đã được Hội đồng quản trị quyết định.

**54.6.** Nếu Giám đốc công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì chế độ làm việc căn cứ theo hợp đồng lao động.

### **Điều 55. Giám đốc.**

**55.1.** Giám đốc là người điều hành hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty, thay mặt Công ty ký kết, tiến hành các giao dịch dân sự, pháp luật với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế đối tác khác.

**55.2.** Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.

**55.3.** Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Giám đốc thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Giám đốc từ một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác.

**55.4.** Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc công ty:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, khả năng quản lý, kinh nghiệm thực tế phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của công ty.



**55.5.** Giám đốc, các Phó Giám đốc có thể bị cách chức hoặc bãi miễn trong các trường hợp:

- Bị chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
- Từ chức bằng văn bản và được Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận.
- Tự ý bỏ nhiệm sở hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, Điều lệ của Công ty và các quyết định của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông.
- Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.
- Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo luật định.

**55.6.** Việc cách chức, bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc phải được sự nhất trí của 2/3 thành viên Hội đồng quản trị.

**55.7.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh quản lý trong công ty thuộc thẩm quyền trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- f. Quyết định lương, phụ cấp (nếu có), thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc ;
- g. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho công ty để trình Hội đồng quản trị;
- h. Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của công ty để đệ trình Hội đồng quản trị;
- i. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp chính đáng và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, nhưng phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để quyết định tiếp;
- j. Được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái qui định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản;
- k. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Giám đốc có trách nhiệm chủ động hoặc tham gia xây dựng, bổ sung các Quy chế của Công ty nhằm đảm bảo công tác quản lý điều hành và hoạt động của Công ty có hiệu quả;
- l. Được quyền tuyển dụng, điều chuyển, kỷ luật và cho thôi việc các nhân viên và cán bộ quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc theo Luật lao động và quy chế công ty;
- m. Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty;



n. Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác do Hội đồng quản trị ủy nhiệm.

**Điều 56. Từ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc.**

**56.1.** Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi cho Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.

**56.2.** Khi Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhận công việc Giám đốc. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc mới.

**Điều 57. Ủy nhiệm, ủy quyền.**

**57.1.** Giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm về việc ủy nhiệm, ủy quyền của mình.

**57.2.** Người được Giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước Pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

**57.3.** Mọi sự ủy nhiệm, ủy quyền liên quan đến con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

**CHƯƠNG V**

**NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

**Điều 58. Nghĩa vụ của người lao động.**

- Người lao động có nghĩa vụ thực hiện đúng theo Luật lao động và nội qui, qui chế của công ty.
- Người lao động có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của công ty; không xâm phạm đến tài sản của công ty; không dùng uy tín, thương hiệu của công ty hoặc lợi dụng vị trí cá nhân trong công ty để làm lợi cho riêng bản thân mình.
- Người lao động có nghĩa vụ đề cao tinh thần trách nhiệm, trung thực, khẩn cấp, gắn bó, quan tâm đến mọi hoạt động của công ty vì lợi ích của công ty và cổ đông của công ty.

**Điều 59. Quyền lợi của người lao động.**

- Người lao động làm việc trong Công ty được đảm bảo mức lương tối thiểu và các quyền lợi khác được ghi rõ trong hợp đồng lao động. Công ty đảm bảo quyền lợi của người lao động không thấp hơn những gì mà Luật lao động và pháp luật qui định.
- Người lao động làm việc trong Công ty được hưởng các ưu đãi khuyến khích học tập nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ.
- Các quyền lợi khác của người lao động được đảm bảo theo qui chế của Công ty.



## **CHƯƠNG VI**

### **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

#### **Điều 60. Năm tài khóa và báo cáo tài chính của Công ty.**

##### **60.1. Năm tài khóa**

- Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 cùng năm.
- Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

##### **60.2. Báo cáo tài chính**

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, báo cáo tài chính hàng năm của công ty phải được gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền;
- Các báo cáo tài chính này được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Sau Đại hội đồng cổ đông, các báo cáo cùng với biên bản họp Đại hội được lưu tại trụ sở của công ty trong vòng 10 năm liền.

#### **Điều 61. Trích lập quỹ và phân chia lợi nhuận.**

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và bù đắp những khoản lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận trước thuế được phân phối, sử dụng như sau:

1. Trích 5% lập quỹ dự phòng tài chính cho đến khi số dư quỹ này bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa;
2. Sau khi trích quỹ dự phòng tài chính, phần lợi nhuận còn lại dùng để:
  - a. Trích 10% để lập quỹ Đầu tư phát triển;
  - b. Trích tối đa 10% để lập quỹ khen thưởng - phúc lợi;
  - c. Phần còn lại chia cổ tức cho các cổ đông.

## **CHƯƠNG VII**

### **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ PHÁ SẢN**

#### **Điều 62. Tổ chức lại.**

- 62.1.** Khi cần thiết, công ty có thể được tổ chức lại bằng một trong các hình thức sau : chia , tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp .
- 62.2.** Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại công ty và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

#### **Điều 63. Giải thể.**

- 63.1.** Công ty giải thể trong các trường hợp sau:
- Kết thúc thời hạn hoạt động mà không có quyết định gia hạn;



- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Công ty không còn đủ thành viên tối thiểu theo qui định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**63.2.** Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

**63.3.** Trình tự và thủ tục giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 64. Giải quyết tranh chấp.**

**64.1.** Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác, quy định hành chính khác quy định, giữa:

- Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
- Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay Cán bộ quản lý cao cấp

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

**64.2.** Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án để giải quyết.

**64.3.** Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

#### **Điều 65. Phá sản.**

Việc phá sản được thực hiện theo qui định của pháp luật hiện hành.

### **CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

#### **Điều 66. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.**

**66.1.** Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

**66.2.** Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến những hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.



**Điều 67. Ngày hiệu lực.**

**67.1.** Bản Điều lệ này gồm 8 chương 67 Điều, được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 09 tháng 07 năm 2016 và cùng chấp nhận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

**67.2.** Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và toàn thể Cán bộ – Công nhân viên công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này.

Nha Trang, ngày 09 tháng 07 năm 2014  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY RẠNG ĐÔNG**

**GIÁM ĐỐC**



**Đào Vũ Lâm**



## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐIỀU KHOẢN CHUNG.....	1
Điều 1. Giải thích một số từ ngữ trong Điều lệ. ....	1
Điều 2. Hình thức và tư cách pháp lý. ....	2
Điều 3. Tên Công ty.....	3
Điều 4. Trụ sở chính, địa chỉ chi nhánh và văn phòng đại diện : .....	3
Điều 5. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh. ....	3
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và thời hạn hoạt động.....	3
Điều 7. Người đại diện theo pháp luật. ....	4
Điều 8. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị – xã hội khác.....	4
CHƯƠNG II : QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY .....	4
Điều 9. Quyền hạn của Công ty .....	4
Điều 10. Nghĩa vụ của Công ty.....	5
CHƯƠNG III : VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ ĐÔNG – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU .....	5
Điều 11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ.....	5
Điều 12. Tăng giảm vốn điều lệ.....	6
Điều 13. Cổ phần.....	6
Điều 14. Cổ phiếu.....	7
Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông.....	7
Điều 16. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần .....	7
Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 18. Thừa kế cổ phần .....	8
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông. ....	9
Điều 20. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty.....	9
Điều 21. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại.....	9
Điều 22. Cổ tức. ....	10
Điều 23. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức. ....	11
Điều 24. Cổ đông. ....	11
Điều 25. Quyền của Cổ đông Công ty. ....	11
Điều 26. Nghĩa vụ của các cổ đông. ....	12
CHƯƠNG IV : CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	12
Điều 27. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	12
Điều 28. Đại hội đồng cổ đông. ....	13
Điều 29. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 30. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 31. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 32. Mời họp Đại hội đồng cổ đông. ....	15
Điều 33. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. ....	15
Điều 34. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 35. Thể thức triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16



Điều 36.	Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 37.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	18
Điều 38.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 39.	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 40.	Thành phần và nhiệm kỳ.....	20
Điều 41.	Quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi của Hội đồng quản trị.....	20
Điều 42.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 43.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT.....	22
Điều 44.	Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	23
Điều 45.	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 46.	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT.....	24
Điều 47.	Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	24
Điều 48.	Ban kiểm soát.....	25
Điều 49.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	25
Điều 50.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát.....	26
Điều 51.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	26
Điều 52.	Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 53.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	27
Điều 54.	Bộ máy điều hành Công ty.....	28
Điều 55.	Giám đốc.....	28
Điều 56.	Từ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc.....	30
Điều 57.	Ủy nhiệm, ủy quyền.....	30
CHƯƠNG V : NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG .....		30
Điều 58.	Nghĩa vụ của người lao động.....	30
Điều 59.	Quyền lợi của người lao động.....	35
CHƯƠNG VI : CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....		31
Điều 60.	Năm tài khóa và báo cáo tài chính của Công ty.....	35
Điều 61.	Trích lập quỹ và phân chia lợi nhuận.....	31
CHƯƠNG VII : TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ,.....		31
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ PHÁ SẢN .....		31
Điều 62.	Tổ chức lại.....	31
Điều 63.	Giải thể.....	31
Điều 64.	Giải quyết tranh chấp.....	32
Điều 65.	Phá sản.....	37
CHƯƠNG VIII : ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG .....		37
Điều 66.	Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	37
Điều 67.	Ngày hiệu lực.....	37